

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**
Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/10/2021
V/v “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ An Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 605/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Chim Phạm Kiều P**, sinh năm 1996, (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường C, Phường X, Quận Y, thành phố H.

- Bị đơn: Ông **Phan Lê Thành C**, sinh năm 1996, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường H, phường T, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Chim Phạm Kiều P trình bày và yêu cầu: Bà và ông Phan Lê Thành C tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/9/2019 (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89 ngày

19/9/2019). Qua thời gian chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; Ông C không quan tâm chăm sóc vợ con. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Lê Thành C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên Phan Ngọc Phương V (nữ), sinh ngày 01/12/2019. Từ khi sinh đến nay, con chung do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 21/5/2021, bị đơn ông Phan Lê Thành C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do ông vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đủ cơ sở xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 277, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Chim Phạm Kiều P; Về con chung giao cháu Phan Ngọc Phương V cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung do bà P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Chim Phạm Kiều P và ông Phan Lê Thành C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về việc đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 19/9/2019. Vì vậy, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi

có yêu cầu. Do bị đơn ông Phan Lê Thành C cư trú tại số 54/4A, đường Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Chim Phạm Kiều P, nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Chim Phạm Kiều P và ông Phan Lê Thành C phát sinh từ việc bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Hiện tại bà P xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C không còn, bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông C. Về phía ông C cho rằng, ông vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, Tòa án đã dành thời gian cho ông bà hàn gắn tình cảm và đoàn tụ gia đình, nhưng ông bà đã không cải thiện được mâu thuẫn, không đưa ra được phương án để đoàn tụ gia đình. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông bà không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Chim Phạm Kiều P được ly hôn với ông Phan Lê Thành C.

[4] Về con chung: Ông bà đều xác định trong thời gian chung sống, ông bà có một con chung là cháu Phan Ngọc Phương V (nữ), sinh ngày 01/12/2019; bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Phương, nhận thấy, cháu Phan Ngọc Phương V (nữ), sinh ngày 01/12/2019, hiện dưới 36 tháng tuổi; Cháu do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P, ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các mối quan hệ này thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Chim Phạm Kiều P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Chim Phạm Kiều P đối với ông Phan Lê Thành C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chim Phạm Kiều P được ly hôn với ông Phan Lê Thành C.

- Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc Phương V (nữ), sinh ngày 01/12/2019 cho bà Chim Phạm Kiều P trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông C, không ai được quyền cản trở ông C thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Chim Phạm Kiều P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003854 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.CT;
- VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- UBND P.1, Q.5 TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến